

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 04 tháng 11 năm 2020

THỎA THUẬN KHUNG

Số: 93

V/v cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước thuộc Gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2022

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2022;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-SYT ngày 09/9/2020 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2022;

Hôm nay, ngày 04/11/2020, tại Hội trường Sở Y tế. Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung (sau đây gọi là Bên A):

Tên Chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 02713879272

E-mail: nghiệpvuduocbinhphuoc@gmail.com

Đại diện là ông/bà: Quách Ái Đức

Chức vụ: Giám đốc Sở Y tế

II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Tân An

Địa chỉ: Ô Số 2, BT1 tiểu khu đô thị Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02433 512 172 (PKD)

Fax: 02433 512 174

E-mail: tanapharma@gmail.com

Tài khoản: 1913 2801 208 880 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – chi nhánh Hội Sở.

Mã số thuế: 010219561

Đại diện là ông: Phan Trọng Cường

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu



mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2022 như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là các mặt hàng thuốc trúng thầu theo số lượng của từng phần được phân bổ cho các cơ sở y tế trên địa bàn.
- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và các cơ sở y tế trên địa bàn sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế (bên mua) dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đợt xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.
- Địa điểm giao hàng: Hàng hóa được giao tại kho của bên mua theo danh mục các cơ sở y tế đính kèm thuộc Gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 – 2022

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.
- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.
- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v..., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được. Khi giao nhận thuốc tại cơ sở y tế phải thực hiện kiểm nhập tất cả các thuốc trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nhập có đầy đủ nội dung kiểm nhập và chữ ký của các thành viên Hội đồng kiểm nhập theo đúng quy định.

3.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.

- Thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ khi nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương VI và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của Hồ sơ mời thầu.

5. Trách nhiệm của Bên A(1)

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế y tế thuộc phạm vi cung cấp của Thỏa thuận khung theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

- Công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Sở Y tế và thông báo bằng văn bản đến các đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.

6. Trách nhiệm của bên B(1)

- Tiến hành ký kết Thỏa thuận khung với Sở Y tế để cung cấp các mặt hàng thuốc thuộc gói thầu

- Ký hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng đã phân bổ cho từng cơ sở y tế. Nhà thầu có trách nhiệm tổng hợp gửi về Sở Y tế tỉnh Bình Phước 1 bản hợp đồng đã ký kèm bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (**nhà thầu thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng với Sở Y tế tỉnh Bình Phước**).

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu đã được phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương V và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI và nội dung của Bản cam kết được nêu trong Hồ sơ yêu cầu (đính kèm các bản cam kết của nhà thầu);

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế.

- Thực hiện chế độ báo cáo cho Sở Y tế tỉnh Bình Phước về tình hình bàn giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

7. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với nhà thầu cung cấp thuốc.

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: 24 tháng.

8. Xử phạt do vi phạm

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

GIÁM ĐỐC



PHAN TRỌNG CƯỜNG

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA SẴM TẬP TRUNG *Ho*

GIÁM ĐỐC



QUÁCH ÁI ĐỨC

Phụ lục thảo thuận khung

(Đính kèm thỏa thuận khung số 93 ngày 04/11/2020)

MUA THUỐC GENERIC CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC GIAI ĐOẠN 2020-2022 THEO QUYẾT ĐỊNH TRÚNG THẦU SỐ 447/QĐ-SYT NGÀY 04/11/2020

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHẠM TÂN AN

STT	STT trong hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	122	Atenoprilate monoion hoạt hóa; Hỗn hợp magesi carbonate-nhôm hydroxyd Bromhexin	Mallagit	VD-26824-17	2,5g, 0,5g	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 30 gói x 3,3g	1.449	41.000	59.409.000
2	158	Bromhexin	Agri-Bromhexinae 16	VD-30270-18	16 mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm-Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	588	970.000	570.360.000
3	208	Carbocistein	Dioirein	VD-22874-15	375mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	714	140.000	99.960.000
4	210	Carbocistein	Ausumaco 750V	VD-31668-19	750mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên	2.499	268.000	669.732.000
5	296	Clopidogrel	G5 Duratrix	VD-21848-14	75mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 5 túi nhôm, 10 vỉ x 10 viên	315	959.000	302.085.000
6	438	Flunarizin	Mezapizin 10	VD-24224-16	10mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	441	413.000	182.133.000
7	565	Ketoprofen	Keflafen 75	VD-25174-16	75mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	714	250.000	178.500.000
8	596	Levetiracetam	Disibrox	VD-21846-14	100 mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 20 viên	294	156.000	45.864.000
9	616	Lovastatin	Vastatin 10	VD-30090-18	10mg	Viên nén	Uống	Viên	Công ty TNHH dược phẩm USA-NIC (USA-NIC Pharma)	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1.260	670.000	844.200.000
10	623	Magnesi Aspartat Kali Aspartat	Pomatat	VD-22155-15	140mg 158mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1.050	210.000	220.500.000



11	656	Mesquitazin	Amquiaz 5	VD-27750-17	5mg		Viên nén	Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm-Nha máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1.365	412.000	562.380.000
12	669	Methocarbamol	Mycotrova 1000	VD-27941-17	1.000mg		Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1.890	1.750.000	3.307.500.000
13	682	Methyllopa	Thyperopa forte	VD-26833-17	500mg		Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1.617	94.000	151.998.000
14	905	Propylthiouracil	Basethyrox	VD-21287-14	100mg		Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 1 lọ x 100 viên	735	100.000	73.500.000
15	926	Roxithromycin	Roxithromycin 300 mg	VD-32516-19	300mg		Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1.995	236.000	470.820.000
16	944	SA fumarat Acid folic	Femancia	VD-27929-17	305mg, 350mg		Viên nang cứng (đó)	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	630	762.000	480.060.000
17	989	Telmisartan Hydrochlorothiazid	Teleid 40/12.5	VD-23592-15	40mg/12,5mg		Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	945	558.000	527.310.000
18	993	Telmisartan Hydrochlorothiazid	Teleid 80/12.5	VD-23593-15	80mg/12,5mg		Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1.596	182.000	290.472.000
19	1003	Thiamazol	Mezamazol	VD-21298-14	5mg		Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	500	113.000	56.500.000
20	1004	Thiamazol	Thyzedow 10 mg	VD-27216-17	10mg		Viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TW Mediplantex	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	672	244.000	163.968.000
21	1031	Tricalcium phosphat	Meza-Calci	VD-25695-16	1,65g		Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 30 gói x 2g	945	10.000	9.450.000
TỔNG CỘNG													21,00	9.266.701.000,00	

N3

22	370	Drotaverin dlohydrat	Drotac Forte	VD-24789-16	80mg		Viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	987	1.870.000	1.845.690.000
TỔNG CỘNG													1,00	1.845.690.000,00	
TỔNG CỘNG													22,00	11.112.391.000,00	

